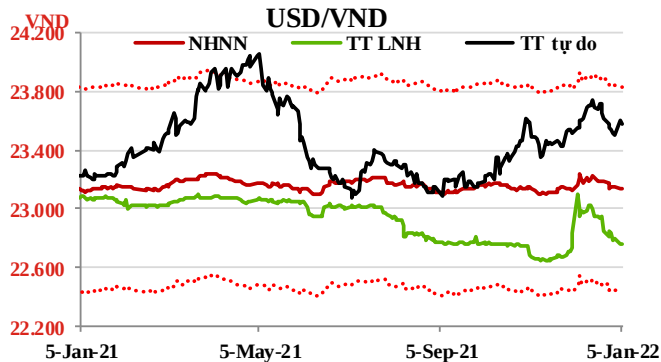




Lãi suất LNH				Trái phiếu			
Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lãi suất	D/D
ON	1.66	-0.04	0.15	0.00	3Y	0.74	0.038
1W	2.04	0.11	0.20	0.00	5Y	0.90	0.026
2W	2.18	0.10	0.25	0.01	7Y	1.32	0.067
1M	2.32	0.12	0.32	0.02	10Y	2.09	-0.004
2M	2.42	0.14	0.39	-0.01	15Y	2.37	0.002
3M	2.48	0.10	0.49	-0.04			
6M	2.56	0.06	0.75	-0.10			
9M	2.65	0.01	1.09	-0.16			
1Y	3.20	0.10	1.18	-0.14			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
05-01-22	1	14	2.50	5,000	-	-	-	10,539.75
04-01-22	1	14	2.50	5,000	-	-	-	10,539.75
31-12-21	1	14	2.50	20,000	9,977.3	-	9,977.3	10,539.75

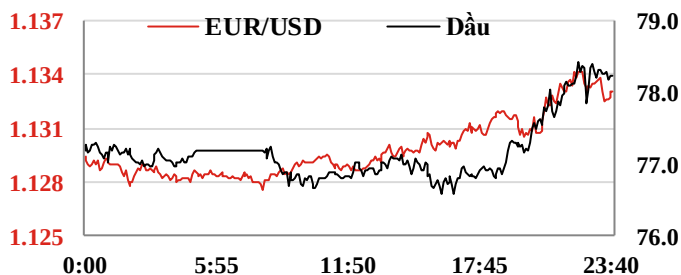
Thị trường TPCP sơ cấp

đơn vị: tỷ đồng						
TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	5-Jan-22	10	3000	2132	2.07%	-0.01%
MOF	5-Jan-22	15	3000	2750	2.35%	0.02%
MOF	5-Jan-22	20	1000	335	2.75%	0.00%
Tổng			7000	5217		

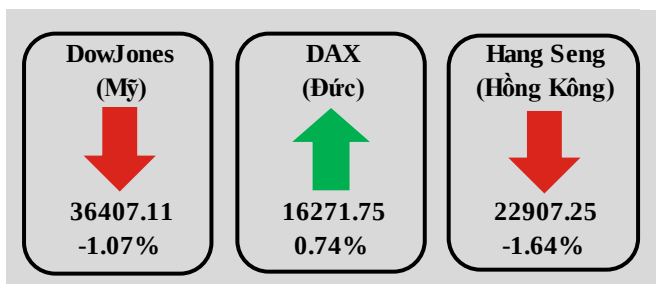
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1522.50	480.36	114.26
%/ngày	-0.20%	1.32%	0.47%
%/31/12/2021	1.62%	1.3%	1.4%
KLGD (tr.đ.v)	1058.45	131.88	116.0
GTGD (tỷ đ)	32955.67	3906.95	2677.22
NDINN mua (tỷ đ)	1571.86	44.36	1.99
NDINN bán (tỷ đ)	1828.35	8.61	1.49

Tin trong nước ngày 05/01

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 05/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.137 VND/USD, tăng nhẹ 03 đồng so với phiên giao dịch đầu tiên của năm 2022. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.650 VND/USD và 23.150 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.760 VND/USD, tăng nhẹ 05 đồng so với phiên 04/01. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở chiều mua vào trong khi giảm 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.500 VND/USD và 23.580 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 05/01, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục tăng 0,10 – 0,12 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ giảm 0,04 đpt ở kỳ hạn ON so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,66; 1W 2,04%; 2W 2,18 và 1M 2,32%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M, giao dịch tại: ON 0,15; 1W 0,20%; 2W 0,25%, 1M 0,32%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng mạnh ở hầu hết các kỳ hạn trong khi giảm nhẹ ở kỳ hạn 10Y, cụ thể: 3Y 0,74%; 5Y 0,90%; 7Y 1,32%; 10Y 2,09%; 15Y 2,37%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, khối lượng lưu hành trên kênh này giữ nguyên ở mức 10.539,75 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 05/01, KBNN huy động thành công 5.217/7.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 75%). Trong đó, khối lượng trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2.132/3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm tại 2.750/3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm tại 335/1.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2,07%/năm (-0,01%), kỳ hạn 15 năm tại 2,35%/năm (+0,02%), kỳ hạn 20 năm tại 2,75%/năm (không đổi).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, nhiều cổ phiếu lớn hạ nhiệt khiến VN-Index điều chỉnh. Chốt phiên, VN-Index giảm nhẹ 3,08 điểm xuống 1.522,50 điểm (-0,20%); HNX-Index tăng 6,26 điểm (+1,32%) lên 480,36 điểm; UPCoM-Index tăng 0,53 điểm (+0,47%) lên 114,24 điểm. Thanh khoản thị trường tăng vọt với tổng giá trị giao dịch đạt trên 39.500 tỷ VND. Khối ngoại quay trở lại bán ròng hơn 220 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Tài chính, cả năm 2021, thu NSNN đạt trên 1,563 triệu tỷ, vượt 16,4% dự toán;** trong đó, thu thuế, phí nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 3 khu vực kinh tế vượt khoảng 14,5% so với dự toán và tăng khoảng 11,3% so với năm 2020; tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu vượt khoảng 20,5% so với dự toán và tăng 20,7% so với năm 2020. Bội chi NSNN ước dưới 4%, thấp hơn so với dự toán Quốc hội quyết định (4% GDP).



	5 Jan 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	96.17	-0.09%	0.25%	0.21%
USD/CNY	6.36	-0.13%	-0.06%	0.19%
USD/EUR	0.88	-0.25%	0.31%	0.49%
USD/JPY	116.10	-0.03%	1.01%	0.89%
USD/KRW	1198.20	0.06%	1.14%	0.86%
USD/SGD	1.36	0.15%	0.41%	0.64%
USD/TWD	27.61	0.28%	-0.10%	-0.38%
USD/THB	33.19	-0.18%	-0.93%	-0.12%
USD/VND Trung tâm	23137	0.01%	-0.07%	-0.03%
USD/VND LNH	22760	0.02%	-0.31%	-0.14%
USD/VND tự do	23500	0.00%	0.26%	0.21%
Vàng	1809.53	-0.28%	0.33%	-1.03%
Dầu	77.85	1.12%	1.68%	3.51%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0701	-0.0022		
SW	0.0000	0.0000		
1M	0.1020	-0.0017	0.3000	0.0000
2M	0.0000	0.0000		
3M	0.2256	0.0096	0.4375	0.0000
6M	0.3400	-0.0029	0.5932	0.0000
1Y	0.5963	-0.0067	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 04/01/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	25/01/2022
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/02/2016	03/02/2022
Anh	GBP	0,10%	0,25%	16/12/2021	03/02/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/01/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	01/02/2022

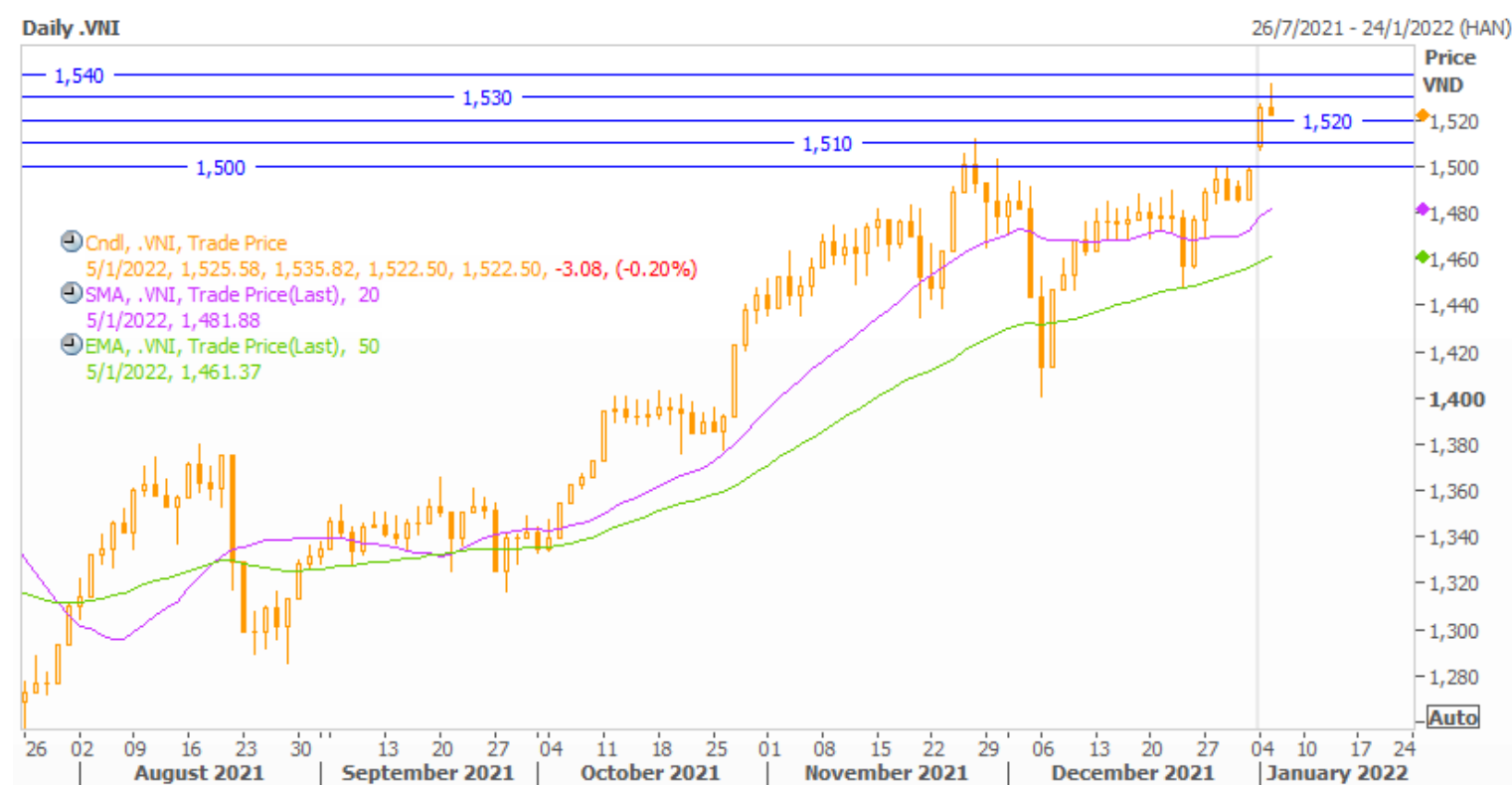
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Biên bản cuộc họp tháng 12 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed vừa công bố sáng nay theo giờ Việt Nam cho thấy thái độ “điều hòa” của các quan chức Fed trong việc sớm tăng lãi suất chính sách.** Cụ thể, các quan chức Fed đều lo ngại về tốc độ tăng giá vẫn tiếp diễn, cùng với những tác nghẽn nguồn cung toàn cầu sẽ kéo dài đến năm 2022. Những lo ngại đó thậm chí còn vượt xa những rủi ro đến kinh tế có thể gây ra bởi biến thể Omicron đang tăng nhanh của virus corona. Theo đó, thị trường lao động tích cực, lạm phát tăng cao có thể thúc đẩy Fed tăng LSCS sớm hơn hoặc với tốc độ nhanh hơn dự đoán trước đó. Một số quan chức Fed cũng lưu ý rằng, bên cạnh việc tăng gấp đôi tốc độ giảm gói mua tài sản, Fed có thể sẽ bắt đầu thu hẹp quy mô bảng cân đối tài sản tương đối sớm sau khi bắt đầu tăng lãi suất. Theo kết quả khảo sát FedWatch của CME Group, xác suất Fed nâng lãi suất vào tháng 3 tới lần đầu tiên kể từ khi đại dịch bùng phát đã tăng lên hơn 70%.
- Thị trường lao động Mỹ đón thông tin tích cực.** Hãng Xử lý Dữ liệu Tự động ADP khảo sát cho biết lĩnh vực phi nông nghiệp của Mỹ tạo ra 807 nghìn việc làm mới trong tháng 12, cao hơn mức 505 nghìn của tháng 11 và đồng thời cao hơn mức 405 nghìn theo dự báo. Theo các phân tích, các doanh nghiệp tại Mỹ vẫn đang tích cực trong cuộc chiến giành nhân lực, nhằm đáp ứng quá trình phục hồi sau đại dịch. Mặc dù thị trường lao động vẫn đang cho thấy xu hướng tích cực, song số lượng người có việc làm tại Mỹ vẫn đang thấp hơn khoảng 3,6 triệu người so với tháng 02/2020 – thời điểm chưa bị Covid-19 tác động.
- PMI lĩnh vực dịch vụ tại Eurozone được điều chỉnh giảm.** IHS Markit cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ của khu vực Eurozone chính thức ở mức 53,1 điểm trong tháng 12, thấp hơn một chút so với mức 53,3 điểm theo khảo sát sơ bộ, đồng thời thấp hơn mức 55,9 điểm của tháng 11. Đây là mức PMI dịch vụ thấp nhất của Eurozone trong vòng 8 tháng. Các chuyên gia cho biết sự tích cực của lĩnh vực dịch vụ trong tháng 11 không được duy trì quá lâu khi dịch Covid-19 bùng phát trở lại. Nhiều khả năng, PMI dịch vụ của Eurozone sẽ tiếp tục xu hướng giảm trong những tháng đầu năm 2022, cho tới khi các chính sách kiểm soát của khu vực này được nới lỏng.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
05 - 01	12:00	*	Niềm tin tiêu dùng Nhật Bản T12	39.1	39.8	39.2
05 - 01	16:00	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Eurozone T12	53.1	53.3	53.3
05 - 01	20:15	***	Số việc làm thay đổi khu vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T12	807K	405K	505K
06 - 01	02:00	***	Biên bản cuộc họp FOMC (Fed) tháng 12/2021			
06 - 01	14:00	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy Đức mm T11		2.1	-6.9
06 - 01	All day	*	CPI sơ bộ Đức mm T12		0.4	-0.2
06 - 01	8:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ 1w		199K	198K
06 - 01	22:00	***	PMI lĩnh vực dịch vụ Mỹ T12		67.0	69.1



VN-Index giảm nhẹ xuống mức 1522,50 điểm. Có khả năng, VN-Index sẽ tiếp tục điều chỉnh trong phiên giao dịch tiếp theo, tuy nhiên, nhịp điều chỉnh chỉ đang mang tính ngắn hạn, chỉ số có thể sẽ được hỗ trợ gần vùng 1.510 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.510 – 1.500

Ngưỡng kháng cự: 1.530 – 1.540

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn